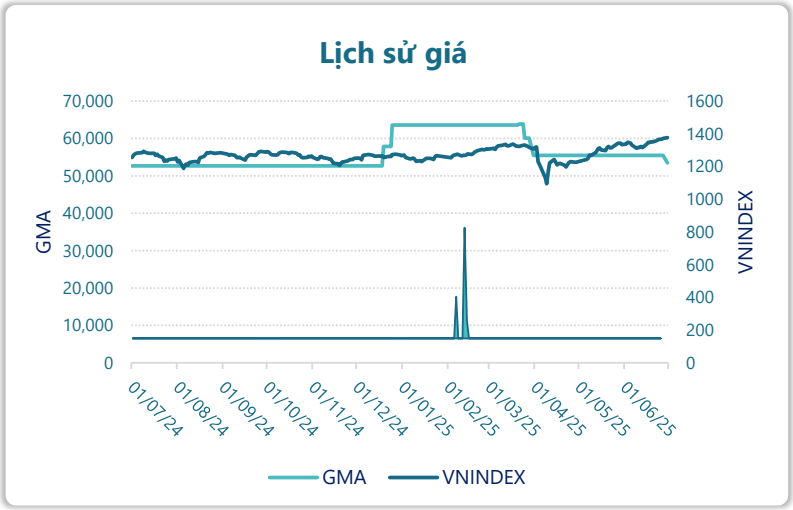
FireAnt

CTCP G-AUTOMOBILE (HNX: GMA)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**53,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	63,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	52,651
SL cổ phiếu LH	19,999,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,070
P/E	92.0
EPS	582

DT thuần

Q2/25

515

tỷ VNĐ

QoQ: ▼79.0| -13.3%

YoY: ▼75.0| -12.7%

LN sau thuế

Q2/25

-13.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.2| -548%

YoY: ▼16.7| -475%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.2%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần

6T 2025

1,109

tỷ VNĐ

YoY: ▼44.0| -3.8%

LN sau thuế

6T 2025

-10.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.8| -397%

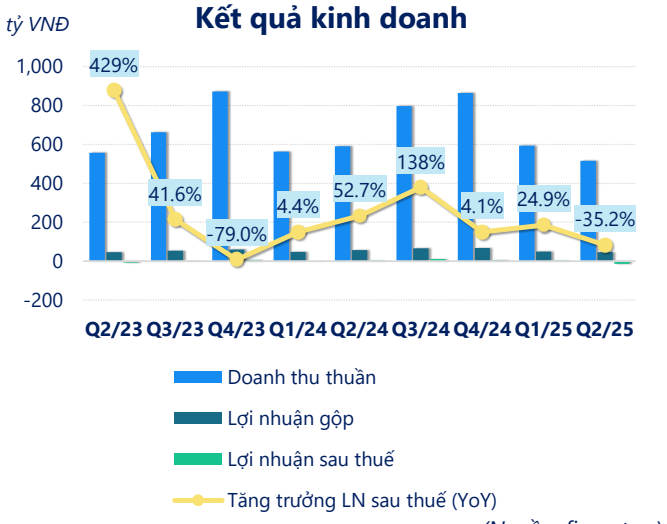
ROE

Q2/25

2.6%

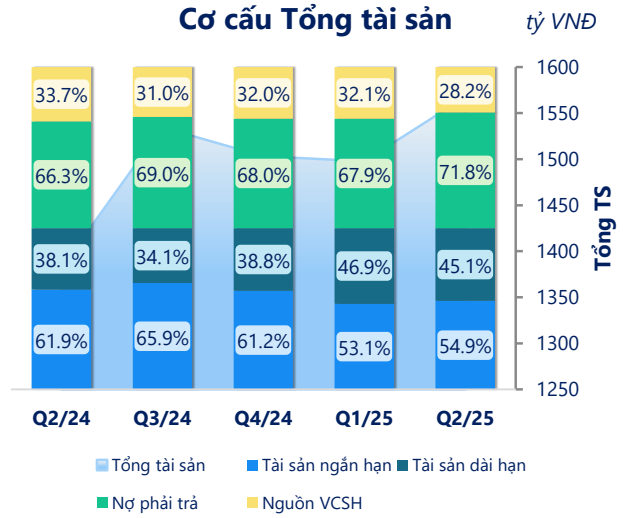
+/- YoY: ▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh



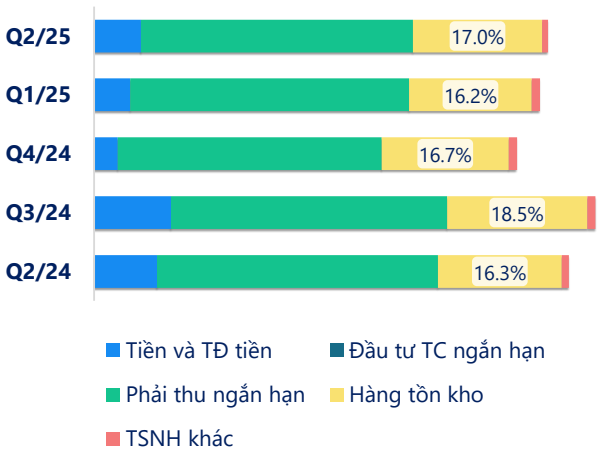
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



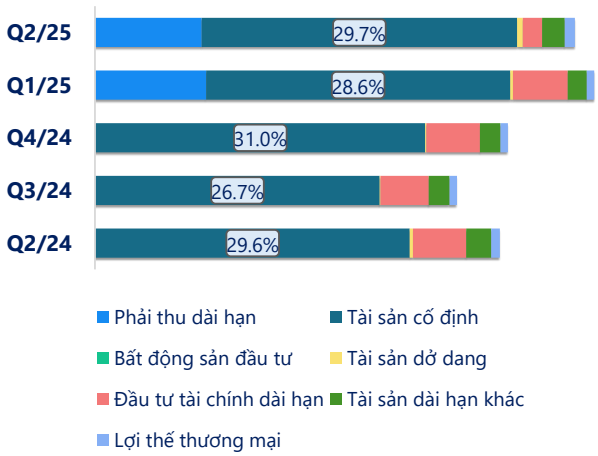
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



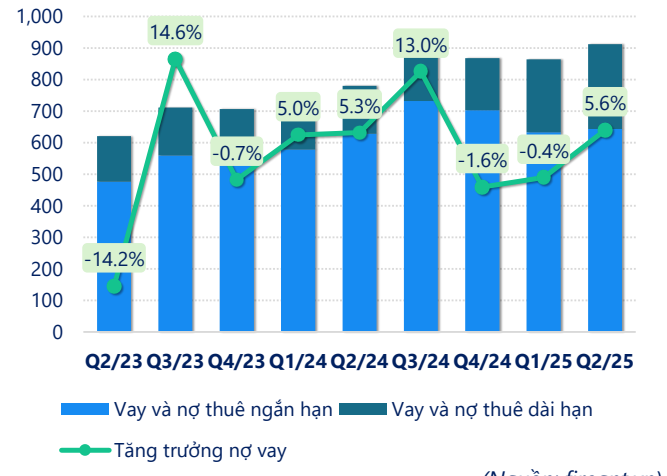
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



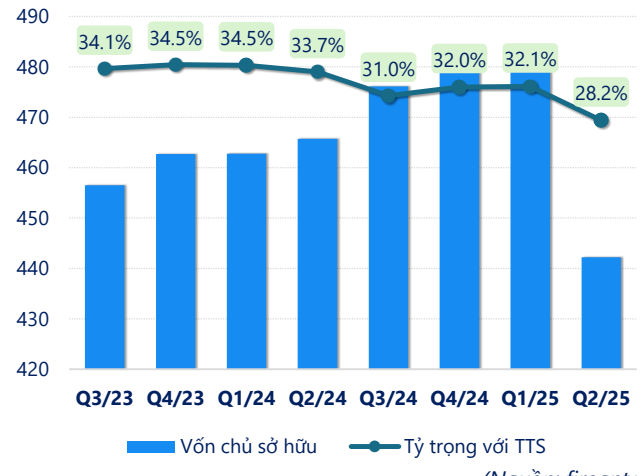
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



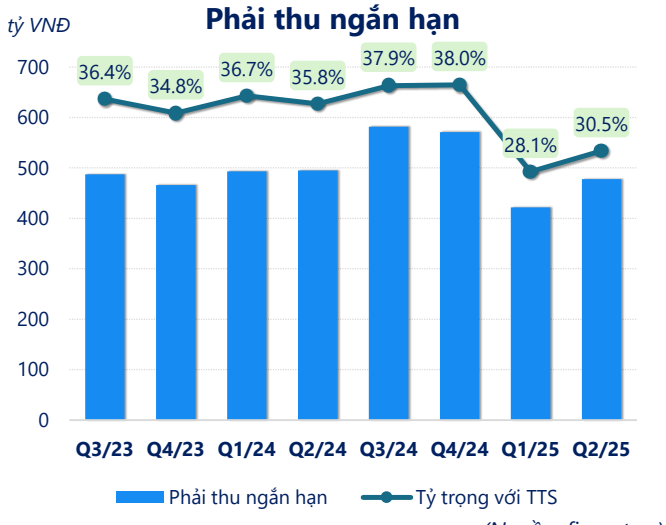
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



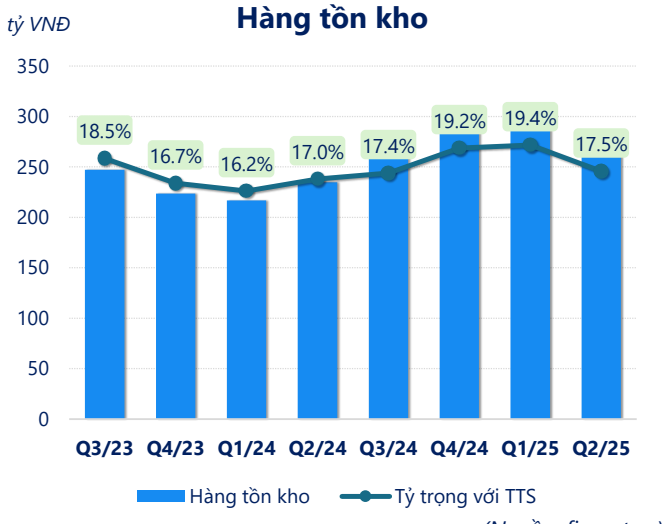
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



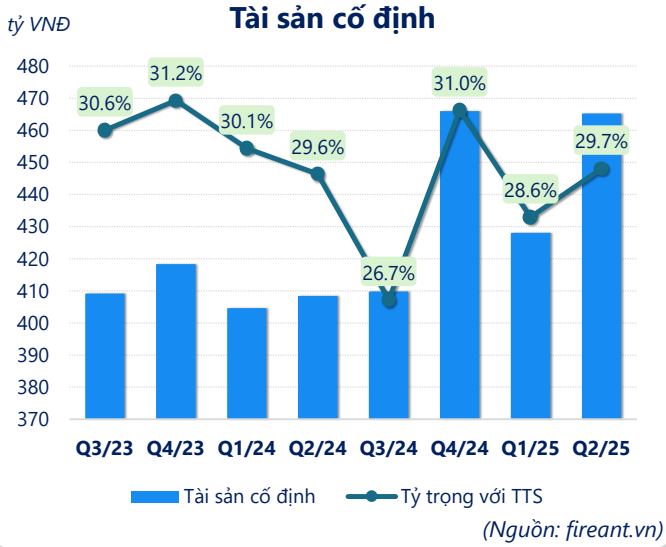
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



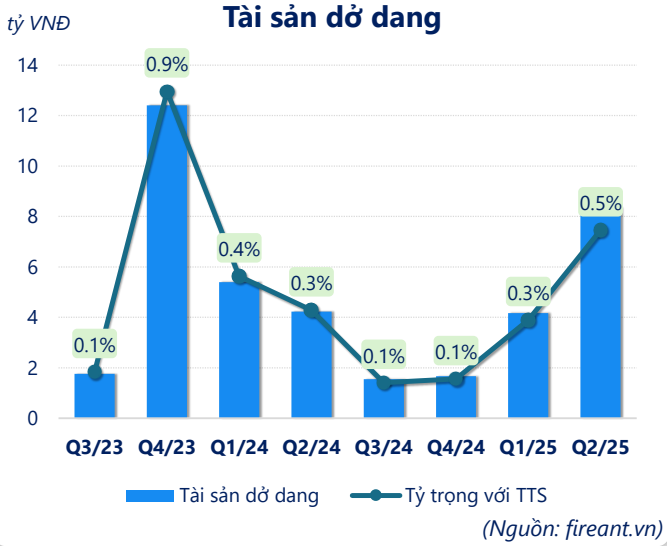
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



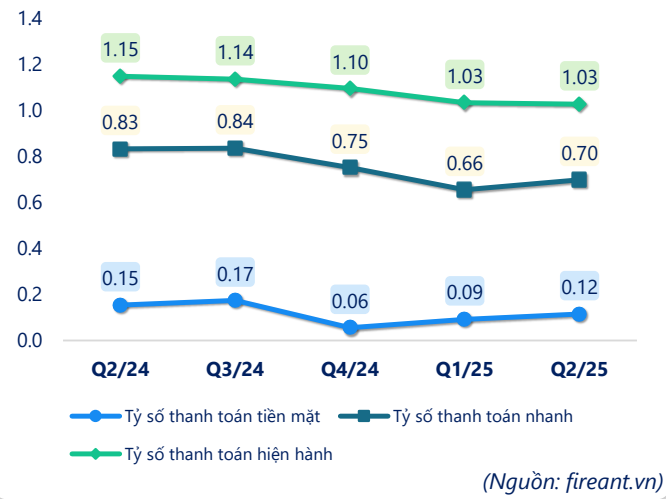
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



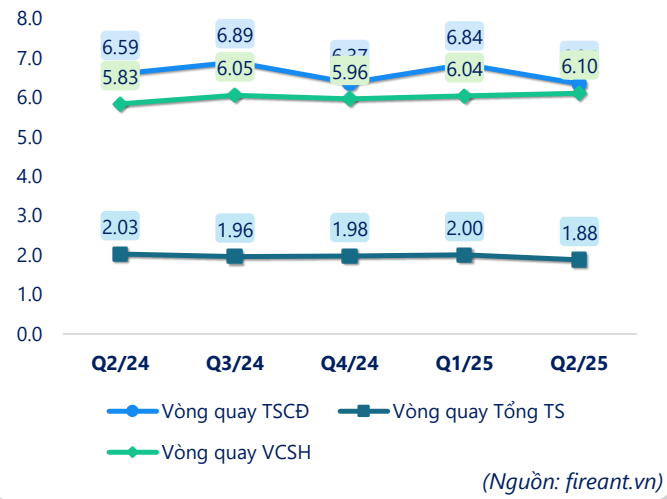
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,382**	**1,534**	**1,503**	**1,498**	**1,568**
Tài sản ngắn hạn	**856**	**1,012**	**920**	**795**	**860**
Tiền và tương đương tiền	115	155	46.7	71.1	96.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	495	582	571	422	478
Hàng tồn kho	235	267	289	291	275
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	7.79	13.2	11.5	10.6
Tài sản dài hạn	**526**	**523**	**584**	**703**	**707**
Phải thu dài hạn	0.73	0.73	0.73	157	157
Tài sản cố định	408	410	466	428	465
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.23	1.55	1.67	4.17	8.35
Đầu tư tài chính dài hạn	69.1	69.3	75.7	77.0	28.4
Tài sản dài hạn khác	32.6	30.3	29.1	26.9	33.4
Lợi thế thương mại	11.2	10.8	10.5	10.1	14.9
Nợ phải trả	**916**	**1,058**	**1,022**	**1,017**	**1,125**
Nợ ngắn hạn	**745**	**891**	**839**	**769**	**837**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	629	732	703	633	643
Phải trả người bán ngắn hạn	28.4	53.2	43.9	62.8	73.1
Nợ dài hạn	171	168	183	248	288
Vay và nợ thuê dài hạn	152	150	165	231	269
Nguồn vốn chủ sở hữu	**466**	**476**	**481**	**480**	**442**
Vốn chủ sở hữu	**466**	**476**	**481**	**480**	**442**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)